TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 44/2023/DS-PT Ngày 18-9-2023 V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Như

Các Thẩm phán: Bà Doanh Thị Mây

Ông Ngôn Ngọc Viên

- Thư ký phiên toà: Bà Nông Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Nha - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng. Xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2023/TLPT- DS ngày 18 tháng 7 năm 2023 về việc: "*Tranh chấp quyền sử dụng đất"*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 74/2023/QĐ-PT ngày 14 tháng 8 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 110/QĐ-PT ngày 28 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đinh Văn L, sinh năm 1938 và Bà Đàm Thị C, sinh năm 1938;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Đinh Thị Ú, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: Xóm B, xã T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Bà Ú có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Linh Thị A – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C. Có mặt

- *Các Bị đơn:* Bà Hứa Thị C1, sinh năm 1967; Bà Đinh Thị L1, sinh năm 1978; Bà Đinh Thị B, sinh năm 1963.

Cùng địa chỉ: Xóm B, xã T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Các bị đơn đều có mặt tại phiên tòa

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị đơn: Ông Triệu Bằng G – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Đinh Thị Ú, sinh năm 1974 - Trú tại: Xóm B, xã T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

2. Đinh Minh T, sinh 1956;

3. Đinh Thị T1, sinh năm 1956; Người đại diện theo ủy quyền bà Đinh Thị T1 là ông Đinh Minh T (theo giấy ủy quyền ngày 28/7/2022).

4. Đinh Văn V, sinh năm 1987.

Cùng trú tại: Bản G, xã T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

5. Đinh Thị C2 – Trú tại: Xóm M, xã C, Q, tỉnh Cao Bằng.

6. Đinh Thị V1 – Trú tại: Bản S, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

7. Đinh Thị B1, sinh năm 1962;

8. Nông Văn H, sinh năm 1962;

9. Nông Thị N, sinh năm 1987;

10. Nông Văn M, sinh năm 1990.

11. Đinh Thị U, sinh năm 1972;

12. Đinh Văn H1, sinh năm 1969;

13. Đinh Ngọc T2, sinh năm 2004.

14. Đinh Văn T3, sinh năm 1970; Người đại diện theo ủy quyền ông Đinh Văn T3 là bà Phan Thị B2 (theo giấy ủy quyền ngày 27/7/2022).

15. Phan Thị B2, sinh năm 1972;

16. Đinh Văn N1, sinh năm 1996;

17. Đinh Văn T4, sinh năm 1999.

18. Đinh Văn M1, sinh năm 1964; Người đại diện theo ủy quyền ông Đinh Văn M1 là bà Nông Thị N2 (theo giấy ủy quyền ngày 27/7/2022)

19. Nông Thị N2, sinh năm 1964;

20. Đinh Văn M2, sinh năm 1988;

Cùng địa chỉ: Bản G, xã T, Q, Cao Bằng;

21. Đinh Thị N3. Trú tại: Đ, thôn A A, xã C, huyện E, Đắk Lắk.

22. Đinh Văn T5, sinh năm 1979;

23. Đinh Thị T6, sinh năm 1982;

24. Đinh Mạnh T7, sinh năm 2002.

25. Đinh Văn V2 (đã chết). Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đinh Văn V2: Đinh Thị T8 (vợ ông V2), Đinh Thị Ánh N4 (con ông V2).

26. Đinh Thị T8

27. Đinh Thị Ánh N4

28. Đinh Văn V3, sinh 1972;

29. Tống Thị N5, sinh năm 1979;

30. Đinh Hùng V4, sinh năm 1999.

31. Đinh Văn Í (đã chết), Đinh Thị N6 (đã chết); Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đinh Văn Í, Đinh Thị N6: Đinh Văn T9 (con ông Í và bà N6).

32. Đinh Văn T9, sinh năm 1980;

31. Ban Thị H2, sinh năm 1981;

32. Đinh Thanh T10, sinh năm 2000.

33. Đinh Thị C3, sinh năm 1974;

34. Đinh Văn D (Được) (đã chết); Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông D (Được): Đinh Thị C3 (vợ ông Đ), Đinh Thị P (mẹ đẻ ông Đ), Đinh Thị Đ1 (con ông Đ).

35. Đinh Thị P,

36. Đinh Thị Đ1, sinh năm 2000.

37. Đinh Thị T11, sinh năm 1966;

38. Đinh Văn D1 (đã chết); Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông D1: Đinh Thị T11 (vợ ông D1), Đinh Thị D2, Đinh Văn D3 (con ông D1.

39. Đinh Thị D2, sinh năm 1989;

40. Đinh Văn D3.

Cùng địa chỉ: Bản G, xã T, Q, Cao Bằng;

41. Đinh Thị G1, địa chỉ: Thôn G, L, B, Lâm Đồng.

(Anh Đinh Văn V có mặt, còn lại những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa)

- *Người kháng cáo*: Các bị đơn Hứa Thị C1, Đinh Thị B, Đinh Thị L1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện và trong các lời khai tiếp sau người được nguyên đơn ủy quyền bà Đinh Thị Ú đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Về nguồn gốc thửa đất số 183, tờ bản đồ 2, diện tích 87306 m^2 ông Đinh Văn L và bà Đàm Thị C cùng 11 hộ gia đình gồm Đinh Minh T, Đinh Thị T1; Đinh Thị B1, Nông Văn H; Đinh Thị C3, Đinh Văn D (Được); Đinh Thị T11, Đinh Văn D1; Đinh Thị U, Đinh Văn H1; Đinh Văn T3, Phan Thị B2; Đinh Văn M1, Nông Thị N2; Đinh Văn T5, Đinh Thị T6; Đinh Văn V2, Đinh Thị T8; Đinh Văn V3, Tống Thị N5; Đinh Văn Í, Đinh Thị N6 được Ủy ban nhân dân huyện P (nay là huyện Q), Cao Bằng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 15/12/2006. Các hộ đồng sử dụng đã tự phân chia để quản lý, canh tác, sử dụng. Đến tháng 4 năm 2022 bà Hứa Thị C1, Đinh Thị L1, Đinh Thị B tự ý khai phá và trồng cây mỡ vào diện tích mà gia đình ông L, bà C đang quản lý, sử dụng. Khi bà C1, bà L1, bà B khai phá để trồng cây mỡ gia đình ông L, bà C đã đến can ngăn, nhắc nhở nhưng không nghe. Quá trình được giao đất gia đình ông L, bà C đã trồng cây khoảng hơn 3000 cây mỡ, cây quế còn bà C1, L1, B khai phá và trồng cây vào phần đất bên dưới chỗ gia đình ông L, bà C trồng mà gia đình được chia quản lý nhưng chưa khai phá được với diện tích khoảng 2000m^2. Khi các bị đơn trồng cây gia đình ông L, bà C có mời các hộ trong nhóm đến và các hộ trong nhóm đều xác nhận đây là phần đất của gia đình ông L, bà C. Sự việc đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q hòa giải nhưng không thành.

Căn cứ để xác định phần đất gia đình ông L, bà C được chia bao phần đất gia đình đã trồng cây mỡ, cây quế và phần đất các bà C1, L1, Bày trồng cây mỡ mà gia đình ông L, bà C chưa trồng đến và có xác nhận của các hộ đồng sử dụng. Nay tôi yêu cầu bà Hứa Thị C1, Đinh Thị L1 và Đinh Thị B trả lại một phần thửa đất số 183, tờ bản đồ số 02 mà các bị đơn đã trồng cây mỡ vào phần đất mà ông L, bà C đang quản lý, sử dụng (có bản xác nhận của 09 hộ gia đình kèm theo và một số hộ trong các lời khai đều xác nhận). Về phần số cây mỡ mà

bà C1, bà L1, bà B đã trồng vào diện tích mà gia đình tôi quản lý sử dụng thì giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Ý kiến của bị đơn bà Hứa Thi C4 tại Bản tự khai, biên bản hòa giải và lời khai tiếp sau trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là rừng nguyên sinh, tôi khai phá và trồng cây từ tháng 4 năm 2022, trồng được 460 cây mỡ. Khi tôi trồng cây mỡ thì không biết thửa đất tôi trồng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến khi hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã tôi mới được biết. Khi tôi trồng thì bà Ú có đến khuyên ngăn nhưng đó là khoảnh đất do bà Đinh Thị U nói cho tôi khai phá thì tôi khai phá chứ đó không phải là phần của ông L, bà C. Năm 2004 khi nhà nước cho các hộ đi chỉ để giao đất, tôi có chỉ đất ở Búng Ngượm nên tôi trồng tại Búng N. Hộ gia đình tôi chưa được Nhà nước giao đất lâm nghiệp nào của xóm B. Qua đo đạc thì tôi trồng đã trồng vào diện tích của 12 hộ gia đình thuộc thửa đất số 183, tờ bản đồ số 2. Tuy nhiên bản đồ cấp cho 12 hộ gia đình cấp sai vì đó thuộc địa phận Búng Ngượm chứ không phải Khau C5 như trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã ghi. Các hộ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phải làm đúng phần đất được cấp trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Qua đo đạc phần diện tích gia đình ông L, bà C thừa rồi nên tôi không nhất trí trả lại đất cho ông L, bà C. Trong quá trình Tòa án tạm đình chỉ giải quyết vụ án tôi chưa trồng thêm mà chỉ đi phát quang cỏ phần cây trước đây đã trồng. Khi nào tôi được nhà nước giao phần đất cộng đồng tôi mới trả lại đất cho ông L, bà C. Nay ông L, bà C khởi kiện yêu cầu tôi trả lại diện tích đất đã trồng cây mỡ và nhổ số cây mỡ tôi đã trồng thì tôi không nhất trí. Tôi không có tài liệu, chứng cứ chứng minh phần diện tích tôi đang trồng cây mỡ là của tôi.

3. Ý kiến của bị đơn bà Đinh Thị B tại biên bản lấy lời khai và tại các biên bản hòa giải khai tiếp sau trình bày: Thửa đất ở B là đất rừng nguyên sinh, gia đình tôi canh tác vẫn chưa được Nhà nước giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa đất số 183, tờ bản đồ số 2, diện tích 87306 m^2 thửa đất này không thuộc thửa đất của ông L, bà C mà là thửa tôi canh tác, sử dụng từ năm 2001-2002 có trồng sắn và dựng lán để chăn nuôi thuộc địa danh Búng Ngượm. Đến năm 2003-2004 thì tôi có trồng cây mỡ giáp với phần hiện nay đang tranh chấp với gia đình ông L, bà C. Khi ông L, bà C đi nhận đất thì là nhận thửa đất ở bên Khau C, còn thửa đất tôi trồng cây mỡ hiện đang tranh chấp thuộc bên Búng N7. Phần tôi cùng bà C4, bà L1 rủ nhau đi làm, canh tác trồng cây mỡ, tôi với bà L1 mỗi người trồng 400 cây còn bà Chư t là 460 cây. Tôi có biết thửa đất đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 12 hộ gia đình

đồng sử dụng ở Khau C, trong 12 hộ gia đình được cấp thì không có hộ gia đình tôi.

Ngoài ra tôi còn được Nhà nước giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Lâm nghiệp tại Thua Cẩu thuộc xóm B, xã T, huyện Q, Cao Bằng, đây là đất rừng phòng hộ Nhà nước không cho khai thác để trồng rừng và ở xa nên tôi mới trồng cây mỡ vào thửa đất đang tranh chấp.

Nay ông L, bà C yêu cầu tôi trả lại diện tích đất và nhổ số cây mỡ tôi đã trồng, tôi không nhất trí trả lại và nhổ số cây mỡ tôi đã trồng tại thửa đất thuộc thửa đất số 183, tờ bản đồ số 2, diện tích 87306 m^2. Trong quá trình Tòa án tạm đình chỉ giải quyết vụ án tôi chưa trồng thêm mà chỉ đi phát quang cỏ phần cây trước đây đã trồng. Khi nào tôi được nhà nước giao phần đất cộng đồng tôi mới trả lại đất cho ông L, bà C. Tôi không có tài liệu, chứng cứ chứng minh phần đất tôi trồng cây mỡ là của tôi.

4. Ý kiến của bị đơn bà Đinh Thị L1 tại bản tự khai và các biên bản hòa giải khai tiếp sau trình bày: Tôi không nhất trí trả lại và nhổ số cây mỡ tôi đã trồng tại thửa đất thuộc thửa đất số 183, tờ bản đồ số 2, diện tích 87306 m^2 vì thửa đất này không thuộc thửa đất của ông L, bà C mà là địa danh Búng Ngượm, còn phần diện tích của 12 hộ gia đình là ở địa danh Khau C. Khi ông L, bà C đi nhận đất thì là nhận thửa đất ở bên Khau C, còn thửa đất tôi trồng cây mỡ hiện đang tranh chấp thuộc bên Búng N7. Phần tôi cùng bà C4, bà B rủ nhau đi làm, canh tác trồng cây mỡ, tôi với bà B mỗi người trồng 400 cây còn bà Chư t là 460 cây. Thửa đất ở B là đất rừng nguyên sinh, gia đình tôi canh tác vẫn chưa được Nhà nước giao đất, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra tôi còn được Nhà nước giao đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Lâm nghiệp tại Thua Cẩu thuộc xóm B, xã T, huyện Q, Cao Bằng, đây là đất rừng phòng hộ Nhà nước không cho khai thác để trồng rừng và ở xa nên tôi mới trồng cây mỡ vào thửa đất đang tranh chấp. Trong quá trình Tòa án tạm đình chỉ giải quyết vụ án tôi chưa trồng thêm mà chỉ đi phát quang cỏ phần cây trước đây đã trồng. Tôi không có tài liệu, chứng cứ chứng minh phần đất là của tôi.

5. *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: (gồm 11 hộ gia đình được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đồng sử dụng thửa đất số 183*, tờ *bản đồ 2, diện tích 87306 m^2 tại xóm B, xã T, huyện Q, Cao Bằng) tại Bản tự khai và biên bản lấy lời khai trình bày*: Về nguồn gốc thửa đất số 183, tờ bản đồ 2, diện tích 87306 m^2 ngày 15/12/2006 được Ủy ban nhân dân huyện P (nay là huyện Q), Cao Bằng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 12 hộ gia đình

đồng sử dụng theo như đơn khởi kiện, trong đó có hộ gia đình Đinh Văn L, Đàm Thị C. Các hộ đồng sử dụng đã tự phân chia để quản lý, canh tác, sử dụng. Nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông L và bà C.

6. *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Đinh Văn V3, Đinh Minh T, Phan Thị B2, Nông Thị N2, Đinh Thị T8, Đinh Thị B1, Đinh Thị C3, Đinh Thị T11, Đinh Văn T5, Đinh Thị T1, Đinh Văn T3, Đinh Văn M1, Tống Thị N5 đều là những thành viên trong nhóm hộ có xác nhận tại văn bản ngày 10/8/2022 (có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q) xác nhận phần đất đang tranh chấp tại thửa đất số 183, tờ bản đồ số 2 diện tích 2000m^2 địa chỉ thửa đất Bản Giuồng, T, Q, Cao Bằng thuộc phần quản lý, sử dụng của ông Đinh Văn L và bà Đàm Thị C.

7. *Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Đinh Thị T8, Đinh Văn H1, Đinh Thị B1, Nông Văn H và Đinh Văn Í tại biên bản lấy lời khai đều thừa nhận về nguồn gốc thửa đất như nguyên đơn đã trình bày và xác nhận phần diện tích mà bà C4, bà L1 và bà B2 tự ý khai phá và trồng cây mỡ là phần diện tích mà ông L, bà C đang quản lý, sử dụng. Nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông L, bà C.

8. Tại công văn số 1073/UBND - TNMT ngày 05/9/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Q cung cấp thông tin về vụ tranh chấp đai (đất rừng) tại xã T: Năm 2006 khi Nhà nước giao đất, giao rừng cho từng hộ để bảo vệ và quản lý, thửa đất số 183, tờ bản đồ 2, diện tích 87306 m^2 tọa lạc tại Khau C, xóm B, xã T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp đồng sử dụng đất cho nhóm hộ (danh sách đồng sử dụng gồm 12 tên chủ hộ gia đình trong đó có tên ông Đinh Văn L, bà Đàm Thị C). Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 183, tờ bản đồ số 2, diện tích 87306m^2 được cấp cho nhóm hộ đồng sử dụng đã được cấp theo đúng quy định. Cấp theo dự án: Đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp, đất đồi núi chưa sử dụng. Thửa đất trên trong nhóm đồng sử dụng không có tên hộ bà Hứa Thị C1, Đinh Thị L1, Đinh Thị B.

9. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ:

Ngày 09 tháng 9 năm 2022 Tòa án cùng cơ quan chuyên môn đã xem xét thẩm định tại chỗ diện tích đất tranh chấp, kết quả như sau:

- Hiện trạng sử dụng đối với phần diện tích đất tranh chấp tại thửa số 183, tờ bản đồ số 02: Hiện trạng trên phần diện tích đất tranh chấp hiện nay đang trồng cây mỡ, cây quế và cây rừng tự nhiên (cây mỡ, cây quế được trồng dưới tán rừng tự nhiên).

Tiến hành đo đạc phần diện tích thửa đất tranh chấp:

- Về tổng diện tích ông L, bà C quản lý là 17224,6 m^2 (bao gồm cả phần đang tranh chấp) có tứ cận như sau: Phía Đông: nằm trong thửa 183; Phía Tây: tiếp giáp thửa đất số 180 của cộng đồng xóm bản Giuồng; Phía Nam: tiếp giáp thửa đất số 189 của ông Đinh Văn T12 và ông Đinh Văn T13; Phía Bắc: nằm trong thửa đất số 183, giáp với phần đất ông Đinh Văn T14.

- Phần diện tích ông Đinh Văn L và bà Đàm Thị C trồng lấn sang thửa đất số 189 của ông Đinh Văn T12 là 729m^2. Phần phía Tây ông Đinh Văn L và bà Đàm Thị C trồng lấn sang thửa đất 180 của cộng đồng xóm bản Giuồng với diện tích là 439,5m^2.

- Phần diện tích tranh chấp cụ thể với bà Hứa Thị C1, Đinh Thị L1, Đinh Thị B:

+ Phần diện tích bà Hứa Thị C1 đang trồng cây mỡ là 2071,3m^2, có tứ cận như sau: Phía Đông: nằm trong thửa đất số 183; Phía Tây: tiếp giáp với diện tích ông L, bà C đã trồng cây; Phía Bắc: nằm trong thửa đất số 183; Phía Nam: giáp diện tích bà Đinh Thị L1 trồng cây mỡ.

+ Phần diện tích bà Đinh Thị L1 đang trồng cây mỡ là 2936,2m^2, có tứ cận như sau: Phía Đông: nằm trong thửa đất số 183; Phía Tây: giáp với diện tích ông L, bà C đã trồng cây; Phía Bắc: giáp với diện tích bà Hứa Thị Chư t1 cây mỡ; Phía Nam: giáp với phần đất bà Đinh Thị B trồng cây mỡ.

+ Phần diện tích bà Đinh Thị B đang trồng cây mỡ là 1581,0m^2, có tứ cận như sau: Phía Đông: Nằm trong thửa đất số 183; Phía Tây: Tiếp giáp với phần diện tích ông L, bà C đã trồng cây; Phía Nam: Giáp với thửa đất ông Đinh Văn T13 và ông L, bà C; Phía Bắc: Giáp với phần đất bà Đinh Thị L1 đang trồng cây mỡ.

- Phần diện tích ông Đinh Văn L và bà Đàm Thị C đang trồng cây mỡ, cây quế là 10636,2m^2

10. Kết quả định giá tài sản trên đất: Cùng ngày 09/9/2022 Hội đồng định giá tài sản đã tiến hành định giá đối với diện tích cây mỡ mà bà Hứa Thị C1, Đinh Thị L1 và Đinh Thị B trồng tại thửa đất số 183, tờ bản đồ số 02 tại Bản G, T, Q, Cao Bằng. Kết quả như sau:

- Phần diện tích bà Hứa Thị C1 đang trồng cây mỡ là 2071,3m^2;

- Phần diện tích bà Đinh Thị L1 đang trồng cây mỡ là 2936,2m^2

- Phần diện tích bà Đinh Thị B đang trồng cây mỡ là 1581,0m^2.

Căn cứ Quyết định ban hành bảng giá bồi thường cây cối, hoa màu và thủy sản khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng số 19/2015/QĐ-UBND ngày 15/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh C. Giá cây mỡ trồng theo quy định nhà nước trong phạm vi dưới 01 năm tuổi sẽ được bồi thường 9.430.000 đồng/ha. Cụ thể:

+ Bà Hứa Thị C1: 0,2071.3 ha x 9.430.000 đồng = 1.953.200 đồng (Một triệu chín trăm năm mươi ba nghìn hai trăm đồng).

+ Bà Đinh Thị L1: 0,29362 ha x 9.430.000 đồng = 2.768.800 đồng (Hai triệu bẩy trăm sáu mươi tám nghìn, tám trăm đồng).

+ Bà Đinh Thị B: 0,1581 ha x 9.430.000 đồng = 1.490.800 đồng (Một triệu bốn trăm chín mươi nghìn tám trăm đồng).

Tại phiên tòa:

- *Người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn bà Đinh Thị Ú trình bày*: Do diện tích đất rừng rộng không thể đặt thước đo, không có tài liệu để xác định cụ thể diện tích nên khi viết đơn khởi kiện không biết được chính xác diện tích đất cần khởi kiện, nay nhất trí với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/9/2022 và yêu cầu các bị đơn gồm: Hứa Thị C1, Đinh Thị L1 và Đinh Thị B nhổ các cây mỡ đã trồng để trả lại diện tích 6588,5m^2 cho các nguyên đơn. Cụ thể:

+ Diện tích đất bà Hứa Thị C1 đang trồng cây mỡ là 2071,3m^2.

+ Diện tích đất bà Đinh Thị L1 đang trồng cây mỡ là 2936,2m^2.

+ Diện tích đất bà Đinh Thị B đang trồng cây mỡ là 1581,0m^2.

- *Ý kiến người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày*: Nhất trí với ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, phần diện tích mà bà C1, bà L1 và bà B đã trồng cây mỡ vào phần diện tích ông L, bà C quản lý, sử dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Đối với số cây mỡ đề nghị giải quyết theo pháp luật.

- *Ý kiến của các bị đơn*: Phần đất đang tranh chấp là quản lý chung của 12 hộ chứ không phải của riêng ông L, bà C nên không nhất trí trả lại cho ông L, bà C. Nhất trí với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/9/2022.

- *Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị đơn trình bày*: Nhất trí với các kiến của các bị đơn bà C1, bà L1 và bà B trình bày. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 183, tờ bản đồ số 02 cấp cho 12 hộ có diện tích là 87306m^2. Qua đo đạc và xem xét thẩm định tại chỗ diện tích phần nguyên đơn hiện đang canh tác đã vượt phần diện tích chia trung bình các hộ và

trồng lấn sang diện tích cộng đồng. Phần đất đang tranh chấp là quản lý chung của 12 hộ chứ không phải của riêng ông L, bà C. Diện tích đất tranh chấp đo thực tế vượt lên hơn so với diện tích ban đầu khởi kiện. Do đó không có căn cứ là phần đất tranh chấp là của ông L, bà C, chỉ buộc các bị đơn trả lại phần đất tranh chấp nói trên cho nhóm 12 hộ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 183, tờ bản đồ số 02 và các hộ trên trả lại cho các bị đơn tiền cây giống và công trồng, công chăm sóc đối với số cây mà các bị đơn đã trồng trên phần đất tranh chấp theo quy định.

Tại bản án sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng đã:

Căn cứ vào khoản 2, khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 166, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các Điều 115, 221, 164, 166, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Khoản 1, Điều 12; Điều 100; khoản 5 Điều 166 Luật Đất đai 2013.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đinh Văn L và bà Đàm Thị C. Buộc các bị đơn Hứa Thị C1, Đinh Thị L1 và Đinh Thị B trả lại cho hộ gia đình ông Đinh Văn L và bà Đàm Thị C quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp 6588,5m^2 thuộc thửa đất số 183, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại Khau C, xóm B, xã T, huyện Q, Cao Bằng. Cụ thể:

- Buộc bà Hứa Thị C1 trả lại cho hộ gia đình ông Đinh Văn L và bà Đàm Thị C quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp là 2071,3m^2 thuộc thửa đất số 183, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại Khau C, xóm B, xã T, huyện Q, Cao Bằng. Có tứ cận như sau: Phía Đông: nằm trong thửa đất số 183; Phía Tây: tiếp giáp với diện tích ông L, bà C đã trồng cây; Phía Bắc: nằm trong thửa đất số 183; Phía Nam: Giáp diện tích bà Đinh Thị L1 trồng cây mỡ.

- Buộc bà Đinh Thị L1 trả lại cho hộ gia đình ông Đinh Văn L và bà Đàm Thị C quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp là 2936,2m^2 thuộc thửa đất số 183, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại Khau C, xóm B, xã T, huyện Q, Cao Bằng. Có tứ cận như sau: Phía Đông: nằm trong thửa đất số 183; Phía Tây: giáp với diện tích

ông L, bà C đã trồng cây; Phía Bắc: giáp với diện tích bà Hứa Thị Chư t1 cây mỡ; Phía Nam: giáp với phần đất bà Đinh Thị B trồng cây mỡ.

- Buộc bà Đinh Thị B trả lại cho hộ gia đình ông Đinh Văn L và bà Đàm Thị C quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp là 1581,0m^2 thuộc thửa đất số 183, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại Khau C, xóm B, xã T, huyện Q, Cao Bằng. Có tứ cận như sau: Phía Đông: nằm trong thửa đất số 183; Phía Tây: tiếp giáp với phần diện tích ông L, bà C đã trồng cây; Phía Nam: giáp với thửa đất ông Đinh Văn T13 và ông L, bà C; Phía Bắc: giáp với phần đất bà Đinh Thị L1 đang trồng cây mỡ.

(Có sơ đồ trích đo thửa đất kèm theo).

2. Về tài sản trên đất: Giao cho ông Đinh Văn L và bà Đàm Thị C được quản lý, sở hữu số tài sản là cây mỡ trên đất tranh chấp với diện tích đất 6588,5m^2 (bà C1 2071,3m^2, bà L1 2936,2m^2, bà B 1581,0m^2), đồng thời có trách nhiệm thanh toán cho các bị đơn giá trị cây theo giá Hội đồng định giá đã định giá (tổng cộng là 6.212.800 đồng), cụ thể:

- Thanh toán cho bà Hứa Thị C1 số tiền 1.953.200 đồng (Một triệu chín trăm năm mươi ba nghìn hai trăm đồng).

- Thanh toán cho bà Đinh Thị L1 số tiền 2.768.800 đồng (Hai triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm đồng).

- Thanh toán cho bà Đinh Thị B số tiền 1.490.800 đồng (Một triệu bốn trăm chín mươi nghìn tám trăm đồng).

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 13.500.000 đồng (mười ba triệu năm trăm nghìn đồng). Cụ thể các bị đơn phải chịu như sau:

- Bà Hứa Thị C1 phải chịu 4.245.000 đồng (Bốn triệu hai trăm bốm mươi lăm nghìn đồng).

- Bà Đinh Thị L1 phải chịu: 6.015.000 đồng (Sáu triệu không trăm mười lăm nghìn đồng).

- Bà Đinh Thị B phải chịu: 3.240.000 đồng (Ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng)

Ông Đinh Văn L và bà Đàm Thị C đã nộp tạm ứng đủ các khoản chi phí, do đó các bị đơn Hứa Thị C1, Đinh Thị L1 và Đinh Thị B phải hoàn trả cho ông Đinh Văn L và bà Đàm Thị C theo số tiền trên.

4. Về án phí: Ông Đinh Văn L và bà Đàm Thị C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông L và bà C được miễn án phí dân sự có giá ngạch thanh toán giá trị cây do thuộc đối tượng là đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Ông L, bà C được hoàn lại số tiền 300.000 đồng tiền tạm tứng án phí theo biên lai thu số 0004635 ngày 04/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

Các bị đơn: Bà Hứa Thi C4, Đinh Thị L1 và Đinh Thị B mỗi người phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch nộp vào ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17 tháng 6 năm 2023 Tòa án nhận được đơn kháng cáo của các bị đơn Hứa Thị C1, Đinh Thị L1, Đinh Thị B kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết như sau: Xem xét lại bản án số 03/2023/DS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

Tại phiên tòa phúc thẩm.

Các Bị đơn trình bày: Không nhất trí với yêu cầu của nguyên đơn cũng như bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giao phần đất mà hiện nay 03 bị đơn đang canh tác cho 12 hộ gia đình cùng được quyền sử dụng đất.

Nguyên đơn trình bày: Nhất trí với bản án sơ thẩm, không nhất trí với nội dung kháng cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn V có ý kiến: Hiện nay tôi đang quản lý một phần diện tích đất tại thửa 183, đất cấp chung cho 12 hộ gia đình đồng sử dụng, 03 bị đơn trong vụ án không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 183, tờ bản đồ số 02.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm: Tại phiên tòa phúc thẩm Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tranh luận tại phiên tòa hôm nay không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện và tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý, xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập và giao nộp chứng cứ, hòa giải, trình tự và thủ tục phiên tòa sơ thẩm. Đơn kháng cáo của các bị đơn nộp trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo và các căn cứ kháng cáo của các bị đơn:

Xét về nguồn gốc đất: hộ ông L, bà C được Ủy ban nhân dân huyện P (nay là huyện Q) tỉnh Cao Bằng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 053748 vào ngày 15/12/2006 tại thửa 183, tờ bản đồ số 2, diện tích 87.306m^2 được cấp cho nhóm hộ gia đình đồng sử dụng, đất tọa lạc tại Khau C, xóm B, xã T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng (có danh sách gồm 12 tên chủ hộ gia đình đồng sử dụng kèm theo). Tại công văn số 1073/UBND –TNMT ngày 05 tháng 9 năm 2023 của UBND huyện Q cung cấp thông tin về vụ tranh chấp đất đai tại xã T: Năm 2006 khi Nhà nước giao đất, giao rừng cho từng hộ để bảo vệ và quan lý thửa đất số 183 tờ bản đồ số 02 diện tích 87306m^2 tọa lạc tại Khau C, xóm B, xã T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp đồng sử dụng cho nhóm hộ (danh sách đồng sử dụng gồm 12 tên chủ hộ gia đình trong đó có danh sách hộ ông Đinh Văn L, bà Đàm Thị C). Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 183 tờ bản đồ số 02 được cấp theo đúng quy định. Cấp theo dự án: Đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp, đất đồi núi chưa sử dụng. Thửa đất trên trong nhóm đồng sử dụng không có tên hộ bà Hứa Thị C1, Đinh Thị L1, Đinh Thị B. Như vậy có căn cứ cho rằng nguồn gốc đất của hộ gia đình nguyên đơn là do được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Xét về quá trình quản lý sử dụng: Theo các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án thấy rằng, sau khi được nhà nước giao đất vào năm 2006 các hộ đồng sử dụng đã tự chia nhau quản lý, canh tác, sử dụng và trồng cây mỡ, cây quế... Tuy nhiên đến đầu năm 2022 các bị đơn đã tự khai phá và trồng cây trên phần đất mà các hộ đồng sử dụng phân chia cho hộ gia đình ông L bà C được quản lý, sử dụng. Quá trình tố tụng tại tòa các hộ có tên trong nhóm đồng sử dụng thửa đất số 183, tờ bản đồ số 02, có văn bản xác nhận và tại các biên bản ghi lời khai, bản tự khai các hộ đều khai nhận phần đất mà bà Hứa Thị

C1, Đinh Thị L1 và Đinh Thị B trồng cây mỡ là thuộc diện tích ông L, bà C quản lý, sử dụng. Qua xem xét thẩm định tại chỗ xác định được phần diện tích bà Hứa Thị C1 đang trồng cây mỡ là 2071,3m^2; phần diện tích bà Đinh Thị L1 đang trồng cây mỡ là 2936,2m^2; phần diện tích bà Đinh Thị B đang trồng cây mỡ là 1581,0m^2 và được xác định nằm trong thửa đất số 183, tờ bản đồ số 02. Do đó cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn L và bà Đàm Thị C được quản lý, sử dụng, canh tác toàn bộ phần diện tích đất mà bà Hứa Thị C1, Đinh Thị L1 và Đinh Thị B hiện đang trồng cây mỡ thuộc thửa đất số 183, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại Khau C, xóm B, xã T, huyện Q, Cao Bằng là có căn cứ.

Đối với phần đất hộ ông L bà C đã trồng lấn sang thửa đất số 189 của ông Đinh Văn T12 là 729m^2, tại bản trình bày đề ngày 12 tháng 9 năm 2022 anh T12 có ý kiến không yêu cầu tham gia tố tụng và không yêu cầu Tòa án xem xét trong vụ án này, đối với phần đất gia đình ông L và C trồng lấn sang thửa 180 của cộng đồng xóm bản Guồng với diện tích là 439,5m^2 UBND xã T có công văn số 86a/CV-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2022 gửi Tòa án không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết trong vụ án này. Do đó Tòa không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

Đối tài sản trên đất: Các bị đơn trồng cây mỡ trên diện tích thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Đinh Văn L và bà Đàm Thị C. Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị giải quyết đối với số tài sản trên đất theo quy định của pháp luật, trường hợp các bị đơn không nhổ cây để trả lại diện tích đất, nguyên đơn sẽ thanh toán giá trị tiền cây cho các bị đơn và không nhất trí thanh toán công sức trồng cây. Xét thấy khi các bị đơn phát quang để trồng cây gia đình ông L, bà C đã đến căn ngăn, nhắc nhở nhưng các bị đơn không nghe mà vẫn trồng cây trên diện tích đất ông L, bà C được quản lý, sử dụng, việc trồng cây trên đất nhà nước đã giao quyền quản lý, sử dụng cho ông L, bà C là trái pháp luật.

Tại biên bản thẩm định ngày 09.9.2022 Hội đồng thẩm định xác định được như sau: Phần diện tích bà Hứa Thị Chư t1 cây mỡ là 2071,3m^2 phần diện tích bà Đinh Thị L1 trồng cây mỡ là 2936,2m^2 phần diện tích bà Đinh Thị B trồng cây mỡ là 1581,0m^2. Xét thấy số cây mỡ đã trồng là tài sản của bà Hứa Thị C1, Đinh Thị L1 và Đinh Thị B tạo lập, do cây được trồng từ tháng 4 năm 2022 đến nay đã phát triển tốt, nếu di dời cây sẽ không đảm bảo sống và chi phí rất cao. Do đó cần giao cho ông Đinh Văn L và bà Đàm Thị C được quản lý, sở hữu số tài sản trên đất (số cây mỡ mà bà C1, bà L1 và bà B đã trồng) trên diện tích đất

6588,5m^2 và ông buộc ông L bà C thanh toán giá trị cây cho các bị đơn theo giá của Hội đồng định giá là chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật. Tại biên bản định giá ngày 09.9.2022 Hội đồng định giá đã đã xác định được cây mỡ trồng theo quy định nhà nước trong phạm vi dưới 1 năm tuổi sẽ được bồi thường 9.430.000đồng/ha, như vậy căn cứ vào kết quả định giá được cần buộc ông L bà C thanh toán cho bà Hứa Thị C1 số tiền 1.953.200 đồng (*Một triệu chín trăm năm mươi ba nghìn hai trăm đồng*); thanh toán cho bà Đinh Thị L1 số tiền 2.768.800 đồng (*Hai triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm đồng*); thanh toán cho bà Đinh Thị B số tiền 1.490.800 đồng (*Một triệu bốn trăm chín mươi nghìn tám trăm đồng*). Xét thấy cấp sơ thẩm giao cho nguyên đơn được sở hữu tài sản là số cây do các bị đơn trồng trên đất và buộc nguyên đơn thanh toán giá trị tài sản trên đất cho các bị đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những phân tích và nhận định như trên, xét thấy kháng cáo của các bị đơn không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 05/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có căn cứ, phù hợp với nhận định của HĐXX cần được chấp nhận.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không có căn cứ chấp nhận.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 09/9/2022 là 13.500.000 đồng. Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên cấp sơ thẩm căn cứ Điều 157 và Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự buộc các bị đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Do Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên cấp sơ thẩm buộc các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là đúng theo quy định tại điều 147 Bộ luật tố tụng dân.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn Hứa Thị C1, Đinh Thị L1, Đinh Thị B. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 05/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

2. Về án phí phúc thẩm:

- Các bị đơn Hứa Thị C1, Đinh Thị L1, Đinh Thị B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà C1, L1, B đã nộp theo biên lai số 0004783 ngày 21/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành khoản trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh CB;
- Chi cục THADS huyện Quảng Hòa;
- TAND huyện Quảng Hòa;
- Các đương sự;
- Tổ HCTP;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Như